

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN**
Báo cáo tài chính

**Cho kỳ tài chính đầu tiên từ ngày
15/07/2003 đến ngày 31/12/2003**



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính: 217 Nguyễn Văn Linh - TP. Đà Nẵng
Điện thoại: +84.511.655886 - Fax: +84.511.655887
Email: aac@dng.vnn.vn * Website: <http://www.aac.com.vn>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở vốn góp của các thể nhân. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Vốn thực tế đến 31/12/2003: 6.560.000.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng)

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (0510) 946946
- Fax: (0510) 946333
- Email: viethancorp.@dng.vnn.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất cáp và các vật liệu viễn thông, điện lực;
- Sản xuất và lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, cơ, điện lạnh và các thiết bị tin học khác;
- Kinh doanh phát triển các dịch vụ bưu chính – viễn thông;
- Thi công, xây lắp các công trình bưu chính – viễn thông;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản

Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh từ trang 6 đến trang 7 kèm theo.

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán – AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (0511) 655886; Fax: (0511) 655887; Email: aac@dng.vnn.vn).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 12 người. Trong đó nhân viên quản lý 02 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

- Ông Đinh Công Trang Chủ tịch HĐQT Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003
- Ông Huỳnh Tấn Chung Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003
- Bà Lê Thị Kim Ánh Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003

Ban Kiểm soát

- Ông Trần Hoài Thanh Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003
- Bà Đinh Thị Thúy Hạnh Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003
- Bà Lê Hải Yến Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 05/07/2003

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Huỳnh Tấn Chung Giám đốc điều hành Bỏ nhiệm ngày 07/07/2003
- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 01/11/2005

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục của Doanh nghiệp.

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Ghi chú kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2003 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2006

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN - AAC

Trụ sở chính: 217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: (84.0511) 655886 • Fax: (84.0511) 655887
E-mail: aac@dng.vnn.vn

Số: 285/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2006

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn.

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán và Kế toán (AAC), đã kiểm toán các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn đính kèm từ trang 04 đến trang 15. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam như đã trình bày tại Ghi chú số 2 (trang 09-10).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các hướng dẫn thực hành kiểm toán Quốc tế. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng, công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2003 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003.



Phan Xuân Vạn
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0102/KTV)

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Ánh Nga
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0809/KTV)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2003

TÀI SẢN		Ghi chú	31/12/2003 VND
A.	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn		6.537.256.046
I.	Tiền		3.777.716.177
1.	Tiền mặt tại quỹ		5.197.427
2.	Tiền gửi ngân hàng	3	3.772.518.750
II.	Các khoản phải thu		2.752.789.869
1.	Phải thu của khách hàng	4	1.397.367.010
2.	Trả trước cho người bán	5	1.352.735.200
3.	Các khoản phải thu khác		2.687.659
III.	Hàng tồn kho		-
IV.	Tài sản lưu động khác		6.750.000
1.	Tạm ứng		6.750.000
2.	Các khoản thế chấp ký cược, ký quỹ ngắn hạn		-
B.	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn		51.815.004
I.	Tài sản cố định		34.624.204
1.	Tài sản cố định hữu hình	6	34.624.204
	- Nguyên giá		36.967.900
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.343.696)
2.	Tài sản cố định vô hình		-
II.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
III.	Chi phí trả trước dài hạn	7	17.190.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			6.589.071.050

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2003

NGUỒN VỐN		Ghi Chú	31/12/2003 VND
A.	Nợ phải trả		41.130.525
I.	Nợ ngắn hạn		41.130.525
1.	Phải trả cho người bán	8	28.850.000
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		10.731.925
3.	Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.548.600
II.	Nợ dài hạn		-
B.	Nguồn vốn chủ sở hữu		6.547.940.525
I.	Nguồn vốn, quỹ		6.547.940.525
1.	Nguồn vốn kinh doanh	9	6.560.000.000
2.	Lợi nhuận chưa phân phối		(12.059.475)
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			6.589.071.050

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Huỳnh Tấn Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Ghi chú	Từ ngày 15/7/03 đến ngày 31/12/03 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.319.679.100
2. Các khoản giảm trừ		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ		4.319.679.100
4. Giá vốn hàng bán		3.855.431.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ		464.248.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11	16.741.637
7. Chi phí bán hàng		129.523.810
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		363.525.384
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.059.475)
10. Tổng lợi nhuận trước thuế		(12.059.475)
11. Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-
12. Lợi nhuận sau thuế		(12.059.475)

Phần II - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số còn phải nộp cuối kỳ VND
I. Thuế	-	36.560.049	25.828.124	10.731.925
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	35.560.049	24.828.124	10.731.925
2. Các loại thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	36.560.049	25.828.124	10.731.925

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003

Phần III - Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ, hoàn lại, được giảm, thuế GTGT hàng bán nội địa

Chỉ tiêu	Từ ngày 15/7/03 đến ngày 31/12/03 VND
I. Thuế GTGT được khấu trừ	
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	-
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh trong kỳ	396.407.861
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được xử lý	396.407.861
<i>Trong đó : a. Số thuế GTGT đã được khấu trừ</i>	<i>396.407.861</i>
<i>b. Số thuế GTGT hàng mua trả lại</i>	<i>-</i>
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	-
II. Thuế GTGT hàng bán nội địa	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	-
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	431.967.910
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	396.407.861
4. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào NSNN	24.828.124
5. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	10.731.925

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ tài chính đầu tiên từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003

TT	Chỉ tiêu	Ghi Chú	Từ ngày 15/7/2003 đến ngày 31/12/2003 VND
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	3.854.280.000
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(6.397.780.252)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(141.250.000)
4.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	170.250.000
5.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(247.557.308)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.762.057.560)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(36.967.900)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.741.637
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.226.263)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	6.660.000.000
2.	Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(100.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.560.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3.777.716.177
	Tiền tồn đầu kỳ	60	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền tồn cuối kỳ	70	3.777.716.177

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2006

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở vốn góp của các thể nhân. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Vốn thực tế đến 31/12/2003: 6.560.000.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất cáp và các vật liệu viễn thông, điện lực;
- Sản xuất và lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, cơ, điện lạnh và các thiết bị tin học khác;
- Kinh doanh phát triển các dịch vụ bưu chính – viễn thông;
- Thi công, xây lắp các công trình bưu chính – viễn thông;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

2.1 - Nguyên tắc kế toán

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng đồng Việt nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc. Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định 1141/QĐ/TC/CDKT ngày 01/11/1995, Chế độ báo cáo tài chính ban hành theo Quyết định 167/2000/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2001, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 15/07/2003 đến ngày 31/12/2003.

2.2 - Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 - Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá của tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc.

2.3 - Tài sản cố định và khấu hao (tiếp theo)

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 166/1999/QĐ/BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

	Tỷ lệ khấu hao năm (%)
--	------------------------

- | | |
|----------------------------|---------------|
| ◆ Thiết bị dụng cụ quản lý | 28,57 – 33,33 |
|----------------------------|---------------|

2.4 - Ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi hàng bán đã chuyển giao quyền sở hữu, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hoá đơn tài chính.

2.5 – Chuyển đổi ngoại tệ

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ Liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2.6 – Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cấp treo chống ẩm có dầu, các hoạt động khác áp dụng mức thuế theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ◆ Áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 15% lợi nhuận thu được.
 - ◆ Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2003 kết quả hoạt động kinh doanh lỗ) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
 - ◆ Ngoài ra, Tỉnh Quảng Nam hỗ trợ cho dự án đầu tư vào khu công nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 06 năm kể từ khi hết thời gian được miễn, giảm theo quy định.
- Tiền thuê đất: Theo Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 20.000 m² đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0.6 USD/m²/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

3. Tiền gửi ngân hàng

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2003

VND

Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tỉnh Quảng Nam 3.772.518.750

Cộng **3.772.518.750**

4. Phải thu của khách hàng

31/12/2003

VND

Bưu điện Tỉnh Quảng Nam 446.160.000

Công ty CP XL & PT DV Bưu điện Quảng Nam 951.207.010

Cộng **1.397.367.010**

5. Trả trước cho người bán

31/12/2003

VND

Công ty Phát triển Công nghệ Viễn thông 1.000.000.000

Công ty TNHH Nhà thép tiền chế 337.735.200

Công ty Tư vấn Kiến trúc Miền Trung 15.000.000

Cộng **1.352.735.200**

6. Tài sản cố định hữu hình

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	36.967.900	36.967.900
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	36.967.900	36.967.900
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.343.696	2.343.696
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	2.343.696	2.343.696
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	34.624.204	34.624.204

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2003 VND
Tiền thuê văn phòng làm việc	12.000.000
Công cụ dụng cụ phân bổ	5.190.800
Cộng	17.190.800

8. Phải trả cho người bán

31/12/2003

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

	VND
Công ty CP XL & PT DV Bưu điện Quảng Nam	24.000.000
Công ty TNHH Viễn Đông III	4.850.000
Cộng	28.850.000

9. Nguồn vốn kinh doanh

	Tỷ lệ %	31/12/2003 VND
Huỳnh Tấn Chung	12,20	800.000.000
Lê Thị Kim Ánh	15,24	1.000.000.000
Đình Công Trạng	19,82	1.300.000.000
Đình Bá Thi	25,30	1.660.000.000
Đình Văn Chính	3,05	200.000.000
Trương Thanh Hương	3,05	200.000.000
Lý Minh Lộc	6,10	400.000.000
Công ty CP XL & PT DV Bưu điện Quảng Nam	7,62	500.000.000
Đặng Đình Cơ	1,52	100.000.000
Phạm Tùng Nghi	1,52	100.000.000
Trần Đoàn Đức	1,52	100.000.000
Đình Thị Thúy Hạnh	3,05	200.000.000
Cộng	100	6.560.000.000

10. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 15/7/2003 đến

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

ngày 31/12/2003

VND

Doanh thu bán cấp treo có dầu chống ẩm	4.319.679.100
--	---------------

Cộng	4.319.679.100
-------------	----------------------

11. Doanh thu hoạt động tài chính

31/12/2003

VND

Lãi tiền gửi ngân hàng	16.741.637
------------------------	------------

Cộng	16.741.637
-------------	-------------------

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu

Từ ngày 15/7/2003 đến

ngày 31/12/2003

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.822.618
-------------------------------	-----------

Chi phí nhân công	142.798.600
-------------------	-------------

- Tiền lương	141.250.000
--------------	-------------

- BHXH, BHYT, KPCĐ	1.548.600
--------------------	-----------

Chi phí khấu hao TSCĐ	2.343.696
-----------------------	-----------

Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.968.049
---------------------------	-------------

Chi phí khác bằng tiền	92.116.231
------------------------	------------

Cộng	493.049.194
-------------	--------------------

13. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

GHI CHÚ CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu

**Từ ngày 15/7/2003 đến
ngày 31/12/2003**

(%)

1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

1.1. Bố trí cơ cấu tài sản

- Tài sản cố định / Tổng số Tài sản 0,79
- Tài sản lưu động / Tổng số Tài sản 99,21

1.1. Bố trí cơ cấu nguồn vốn

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn 0,62
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn 99,38

2. Khả năng thanh toán (lần)

- 2.1. Khả năng thanh toán hiện hành 0,01
- 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 158,94
- 2.3. Khả năng thanh toán nhanh 91,85

14. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là Báo cáo tài chính của năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc




Huỳnh Tấn Chung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo

Quảng Nam, ngày 03 tháng 04 năm 2006